

Số: 1547 QĐ-SGDĐT

Hà Nội, ngày 04 tháng 7 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 trung học phổ thông công lập Năm học 2025-2026

GIÁM ĐỐC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 11/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội;

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trung học cơ sở và tuyển sinh trung học phổ thông (THPT) ban hành kèm theo Thông tư số 30/2024/TT-BGDĐT ngày 30/12/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo (Quy chế tuyển sinh);

Căn cứ Kế hoạch số 56/KH-UBND ngày 24/02/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 892/SGDĐT-QLT ngày 20/3/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội về việc hướng dẫn tuyển sinh vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026;

Căn cứ đề xuất về phương án điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 THPT năm học 2025-2026 của Hiệu trưởng các trường THPT công lập;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý thi và Kiểm định chất lượng giáo dục, Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Duyệt Điểm chuẩn trúng tuyển vào lớp 10 các trường THPT công lập năm học 2025-2026 theo Bảng điểm chuẩn trúng tuyển đính kèm.

Điều 2. Hiệu trưởng các trường THPT công lập căn cứ vào điểm chuẩn trúng tuyển, tổ chức tiếp nhận học sinh trúng tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Hướng dẫn tuyển sinh của Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng thuộc Sở; Hiệu trưởng các trường THPT công lập; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. u

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Các đ/c Phó Giám đốc Sở;
- Công thông tin điện tử Ngành;
- Lưu: VT, QLT. th



GIÁM ĐỐC

Trần Thế Cường

BẢNG ĐIỂM CHUẨN TRÚNG TUYỂN
VÀO LỚP 10 TRUNG HỌC PHỔ THÔNG CÔNG LẬP NĂM HỌC 2025-2026
(Kèm theo Quyết định số 1517/QĐ-SGDĐT ngày 04/7/2025 của
Sở Giáo dục và Đào tạo Hà Nội)

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyên vọng 1	Ghi chú
1.	0101	THPT Nguyễn Trãi-Ba Đình	20,25	
2.	0102	THPT Phạm Hồng Thái	22,75	
3.	0103	THPT Phan Đình Phùng	25,25	
4.	0201	THPT Ba Vì	14,00	
5.	0202	THPT Bất Bạt	12,00	
6.	0203	THPT Minh Quang	10,00	
7.	0204	THPT Ngô Quyền-Ba Vì	16,25	
8.	0205	THPT Quảng Oai	17,50	
9.	0206	Phổ thông Dân tộc nội trú	16,75	
10.	0301	THPT Nguyễn Thị Minh Khai	24,75	
11.	0302	THPT Thượng Cát	19,00	
12.	0303	THPT Xuân Đình	23,50	
13.	0402	THPT Cầu Giấy	23,75	
14.	0403	THPT Yên Hòa	25,00	
15.	0501	THPT Chúc Động	16,25	
16.	0502	THPT Chương Mỹ A	21,00	
17.	0503	THPT Chương Mỹ B	14,00	
18.	0504	THPT Xuân Mai	16,00	
19.	0505	THPT Nguyễn Văn Trỗi	13,50	
20.	0601	THPT Đan Phượng	20,50	
21.	0602	THPT Hồng Thái	16,75	
22.	0603	THPT Tân Lập	16,75	
23.	0604	THPT Thọ Xuân	10,00	
24.	0701	THPT Bắc Thăng Long	20,75	

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Ghi chú
25.	0702	THPT Cổ Loa	20,25	
26.	0703	THPT Đông Anh	18,50	
27.	0704	THPT Liên Hà	20,25	
28.	0705	THPT Vân Nội	19,00	
29.	0801	THPT Đông Đa	22,00	
30.	0802	THPT Kim Liên	25,50	Tiếng Nhật: 15,75
31.	0803	THPT Lê Quý Đôn-Đông Đa	23,75	
32.	0804	THPT Quang Trung-Đông Đa	22,75	
33.	0901	THPT Cao Bá Quát-Gia Lâm	21,50	
34.	0902	THPT Dương Xá	18,75	
35.	0903	THPT Nguyễn Văn Cừ	18,75	
36.	0904	THPT Yên Viên	19,25	
37.	1003	THPT Lê Quý Đôn-Hà Đông	25,50	
38.	1004	THPT Quang Trung-Hà Đông	23,25	
39.	1005	THPT Trần Hưng Đạo-Hà Đông	20,75	
40.	1101	THPT Đoàn Kết-Hai Bà Trưng	20,75	
41.	1102	THPT Thăng Long	24,25	
42.	1103	THPT Trần Nhân Tông	22,50	
43.	1201	THPT Hoài Đức A	19,00	
44.	1202	THPT Hoài Đức B	19,25	
45.	1203	THPT Vạn Xuân-Hoài Đức	17,00	
46.	1204	THPT Hoài Đức C	17,75	
47.	1301	THPT Trần Phú-Hoàn Kiếm	23,75	
48.	1302	THPT Việt Đức	25,25	-Tiếng Đức: 18,00 -Tiếng Nhật: 23,50 -Tiếng pháp tăng cường: 31,13 - Tiếng Pháp Song ngữ: 26,06

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyên vọng 1	Ghi chú
49.	1401	THPT Hoàng Văn Thụ	20,50	
50.	1402	THPT Trương Định	21,25	
51.	1403	THPT Việt Nam-Ba Lan	21,25	
52.	1501	THPT Lý Thường Kiệt	21,00	
53.	1502	THPT Nguyễn Gia Thiều	25,00	
54.	1503	THPT Phúc Lợi	14,50	
55.	1504	THPT Thạch Bàn	17,25	
56.	1601	THPT Mê Linh	18,75	
57.	1602	THPT Quang Minh	16,75	
58.	1603	THPT Tiền Phong	16,50	
59.	1604	THPT Tiến Thịnh	14,75	
60.	1605	THPT Tự Lập	13,50	
61.	1606	THPT Yên Lãng	18,75	
62.	1701	THPT Hợp Thanh	13,75	
63.	1702	THPT Mỹ Đức A	15,50	
64.	1703	THPT Mỹ Đức B	16,50	
65.	1704	THPT Mỹ Đức C	12,50	
66.	1801	THPT Đại Mỗ	18,75	
67.	1802	THPT Trung Văn	20,00	
68.	1803	THPT Xuân Phương	20,00	
69.	1804	THPT Mỹ Đình	23,00	
70.	1901	THPT Đồng Quan	14,00	
71.	1902	THPT Phú Xuyên A	15,25	
72.	1903	THPT Phú Xuyên B	14,00	
73.	1904	THPT Tân Dân	13,50	
74.	2001	THPT Ngọc Tảo	15,50	

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Ghi chú
75.	2002	THPT Phúc Thọ	16,00	
76.	2003	THPT Văn Cốc	14,50	
77.	2101	THPT Cao Bá Quát-Quốc Oai	16,00	
78.	2102	THPT Minh Khai	15,25	
79.	2103	THPT Quốc Oai	21,00	
80.	2104	THPT Phan Huy Chú-Quốc Oai	15,00	
81.	2201	THPT Đa Phúc	18,75	
82.	2202	THPT Kim Anh	17,00	
83.	2203	THPT Minh Phú	15,50	
84.	2204	THPT Sóc Sơn	19,75	
85.	2205	THPT Trung Giã	17,25	
86.	2206	THPT Xuân Giang	16,50	
87.	2302	THPT Tùng Thiện	20,50	
88.	2303	THPT Xuân Khanh	13,00	
89.	2402	THPT Tây Hồ	21,75	
90.	2501	THPT Bắc Lương Sơn	10,00	
91.	2502	THPT Hai Bà Trưng-Thạch Thất	13,25	
92.	2503	THPT Phùng Khắc Khoan-Thạch Thất	13,75	
93.	2504	THPT Thạch Thất	17,25	
94.	2505	THPT Minh Hà	14,00	
95.	2601	THPT Nguyễn Du-Thanh Oai	16,00	
96.	2602	THPT Thanh Oai A	15,50	
97.	2603	THPT Thanh Oai B	16,50	
98.	2701	THPT Ngọc Hồi	20,00	
99.	2702	THPT Ngô Thì Nhậm	21,25	
100.	2703	THPT Đông Mỹ	17,50	

TT	Mã trường	Tên trường	Điểm chuẩn nguyện vọng 1	Ghi chú
101.	2704	THPT Nguyễn Quốc Trinh	18,50	
102.	2801	THPT Nhân Chính	24,00	
103.	2802	THPT Trần Hưng Đạo-Thanh Xuân	20,50	
104.	2803	THPT Khương Đình	20,25	
105.	2804	TH, THCS và THPT Khương Hạ	20,25	
106.	2901	THPT Lý Tử Tấn	14,00	
107.	2902	THPT Nguyễn Trãi-Thường Tín	15,00	
108.	2903	THPT Tô Hiệu-Thường Tín	15,00	
109.	2904	THPT Thường Tín	20,00	
110.	2905	THPT Vân Tảo	15,75	
111.	3001	THPT Đại Cường	10,00	
112.	3002	THPT Lưu Hoàng	10,00	
113.	3003	THPT Trần Đăng Ninh	14,75	
114.	3004	THPT Ứng Hoà A	12,00	
115.	3005	THPT Ứng Hoà B	10,00	

Ghi chú:

- Học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 được xét tuyển nguyện vọng 2 nhưng phải có Điểm xét tuyển cao hơn điểm chuẩn trúng tuyển nguyện vọng 1 của trường ít nhất 1,0 điểm.

- Học sinh không trúng tuyển nguyện vọng 1 và nguyện vọng 2 được xét tuyển nguyện vọng 3 nhưng phải có Điểm xét tuyển cao hơn điểm chuẩn trúng tuyển nguyện vọng 1 của trường ít nhất 2,0 điểm.